

Bản án số: 469/2020/HS-PT
Ngày 18 tháng 8 năm 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC C2 XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Ngọc Thu Hương

Các Thẩm phán: Ông Đặng Văn Ý

Ông Đỗ Đình Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thanh Trúc, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Trần Anh Dũng – Kiểm sát viên.

Ngày 13 và ngày 18 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 150/2020/TLPT-HS ngày 23 tháng 4 năm 2020 đối với bị cáo Nguyễn Thị Lệ H, Lê Anh T, Nguyễn Hồng H1 và Trần Thị Thu H2 do có kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị Lệ H, Lê Anh T, Nguyễn Hồng H1 và Trần Thị Thu H2 đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 63/2020/HSST ngày 16/3/2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị cáo có kháng cáo, không bị kháng cáo, không bị kháng nghị:

1. **Nguyễn Thị Lệ H**, sinh năm 1962 tại tỉnh Bình Dương, giới tính: nữ; trú tại: số 8 đường T1, phường T2, quận T3, Thành phố Hồ Chí Minh; trình độ văn hóa: 12/12; chức vụ, đảng phái: Đảng viên, đã đình chỉ sinh hoạt Đảng; nghề nghiệp: Phó phòng kế toán Công ty Tài chính TNHH MTV C; con ông Nguyễn P và bà Đinh Thị T4; có chồng tên Nguyễn Hùng S và 02 con sinh năm 1989 và năm 1997; tiền án, tiền sự: không; Bị cáo tại ngoại. (có mặt).

2. **Lê Anh T**, sinh năm 1967 tại Thành phố Hà Nội, giới tính: nam; trú tại: 29B đường P1, Phường 3, quận P2, Thành phố Hồ Chí Minh; trình độ văn hóa: 12/12; chức vụ, đảng phái: Đảng viên, đã đình chỉ sinh hoạt Đảng; nghề nghiệp: Nhân viên phòng kế toán Công ty Tài chính TNHH MTV C; con ông Lê Thượng T5 và bà Đào Thị Thanh H3; có vợ tên Nguyễn Thị X và 02 con sinh năm 1996 và năm 2000; tiền án, tiền sự: không; Bị cáo tại ngoại. (có mặt).

3. **Nguyễn Hồng H4**, sinh năm 1969 tại tỉnh Bắc Thái (nay là Thái Nguyên), giới tính nữ; trú tại: Phòng 330 số 47-57 đường N, phường N, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: 64 đường L, phường T6, Quận 09, Thành phố Hồ Chí Minh; trình độ văn hóa: 12/12; nghề nghiệp: Nhân viên kế toán Công ty Tài chính TNHH MTV C; con ông Nguyễn Hồng V và bà Khổng Thị T7; có chồng tên Lương Hoài D và 03 con, lớn nhất sinh năm 2000, nhỏ nhất sinh năm 2008; tiền án, tiền sự: không; Bị cáo tại ngoại. (có mặt).

4. **Trần Thị Thu H5**, sinh năm 1983 tại tỉnh Bắc Thái (nay là Thái Nguyên), giới tính nữ; trú tại: 212, E10, đường N1, phường T8, thành phố V, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu; trình độ văn hóa: 12/12; nghề nghiệp: Nhân viên kho quỹ thuộc Phòng kế toán Công ty Tài chính TNHH MTV C; con ông Trần Mạnh T9 và bà Đặng Thị T10; có chồng tên Nguyễn Quốc Q và 02 con, sinh năm 2007 và năm 2008; tiền án, tiền sự: không; Bị cáo tại ngoại. (có mặt).

Những người tham gia tố tụng khác:

Người bào chữa:

1/ Luật sư Phạm Quang H6- Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh, bào chữa chỉ định cho bị cáo Nguyễn Hồng H4(có mặt).

2/ Luật sư Nguyễn Bá T11- Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh, bào chữa chỉ định cho các bị cáo Trần Thị Thu H5 và Lê Anh T (có mặt).

3/ Luật sư Nguyễn Văn C1- Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh, bào chữa chỉ định cho bị cáo Nguyễn Thị Lệ H (có mặt).

Bị hại: Tập đoàn Công nghiệp C(VRG). Đại diện theo pháp luật: Ông Huỳnh Văn B– Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Đức L1- chuyên viên pháp chế, Ban Kiểm tra Thanh tra Tập đoàn Công nghiệp C(VRG) (Có mặt).

Địa chỉ: 236 đường N2, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ giao dịch: 177 đường H7, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị cáo không có kháng cáo, không bị kháng cáo, không bị kháng nghị, có liên quan đến kháng cáo:

Đặng Thị Kim X1, sinh năm 1956 tại tỉnh Kiên Giang, giới tính: nữ; trú tại: 269/9 Cư xá L2, Phường 15, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: 08 đường 30/4, phường T2, quận T3, Thành phố Hồ Chí Minh; trình độ văn hóa: 12/12; chức vụ, đảng phái: Đảng viên, đã bị đình chỉ sinh hoạt Đảng; nghề nghiệp: nguyên Trưởng phòng kế toán Công ty Tài chính TNHH MTV C; con ông Đặng Vũ T12

và bà Trần Thị H8; có chồng tên Nguyễn Văn L3 và 02 con sinh năm 1982 và năm 1987; tiền án, tiền sự: không;

(Đang chấp hành án tại trại giam T17, Bộ Công an).

Người làm chứng:

1/ Bà Võ Thị Hoàng H9(có mặt)

Thường trú: 429/16 đường Đ, Phường 25, Quận B1, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

2/ Bà Phạm Thị Thanh H10(vắng mặt)

Thường trú: 141 đường C2, Phường 12, Quận T13, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

3/ Bà Lê Thùy Quỳnh N3(vắng mặt)

Thường trú: 68/15 đường số 3, khu phố 6, phường B2, quận B3, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

4/ Bà Phan Thị Hồng L4(có mặt)

Thường trú: 96/2/19 đường Phan Đình P3, Phường 2, quận P2, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

Chỗ ở: 148 đường P4, Phường 4, quận P2, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

5/ Ông Trần Mai T14(vắng mặt)

Thường trú: 11B2, cư xá 304 đường Nguyễn Văn T15(đường D1 cũ), Phường 25, Quận B1, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty Tài chính C được thành lập theo Quyết định số 2101/QĐ.BNN/TCCB ngày 23/7/1998 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn. Ngày 28/7/2009 Bộ NN&PTNT có Quyết định số 2106/QĐ-BNN-ĐMDN đổi tên Công ty Tài chính C thành Công ty TNHH MTV Tài chính C; Ngày 25/12/2009 có Quyết định số 3664 đổi tên thành Công ty Tài chính TNHH MTV C. Kể từ ngày 01/12/2015, Công ty Tài chính TNHH MTV C (gọi tắt là Công ty Tài chính C) sát nhập về Công ty Mẹ là Tập đoàn Công nghiệp C theo Quyết định số 1634/QĐ-TTg ngày 22/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ.

Về chức năng hoạt động của Công ty Tài chính C: Căn cứ Điều 20 Luật các tổ chức tín dụng năm 1997; Quyết định số 449/QĐ-NHNN ngày 12/5/2003 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam bổ sung, chỉnh sửa Giấy phép hoạt động, theo đó Công ty Tài chính C là tổ chức tín dụng do nhà nước nắm giữ 100% vốn, có nhiều chức năng, trong đó có chức năng ...huy động vốn và sử dụng vốn để cho tổ chức, cá nhân vay ngắn, trung, dài hạn theo quy định của Ngân hàng nhà nước.

Trong thời gian từ năm 2009 đến 30/12/2011, một số cán bộ của Công ty Tài chính C đã có hành vi vi phạm pháp luật trong hoạt động cho vay để xảy ra hậu quả tài sản của Công ty bị chiếm đoạt không có khả năng thu hồi. Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an đã tiến hành khởi tố vụ án, khởi tố bị cáo để tiến hành điều tra. Kết quả điều tra đã làm rõ hành vi của các bị cáo như sau:

Trần Quốc H11- cán bộ tín dụng Công ty Tài chính C đã thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của Công ty Tài chính C bằng thủ đoạn mượn Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) của những người thân trong gia đình, bạn bè. Sau đó, H11 tự lập hồ sơ vay vốn giả đứng tên những người có tài sản này và nhờ những người bán vé số đạo ký giả chữ ký của khách hàng trong hồ sơ vay vốn, nâng giá trị tài sản thế chấp cao hơn giá trị thực để vay tiền tại Công ty Tài chính C. Để tránh việc phát hiện của những người cho mượn tài sản, bị cáo H11 đã không làm thủ tục công chứng hợp đồng thế chấp tài sản, không đăng ký giao dịch đảm bảo tài sản thế chấp và nói với ông Vương Đ1(Trưởng phòng Tín dụng), ông Phan Minh Anh N4 (Tổng giám đốc), những người vay là người thân của H11, nhưng vì họ bận nên chưa đi làm các thủ tục theo quy định, đề nghị cho vay trước hoàn tất hồ sơ sau. Mặc dù biết sai quy định, hồ sơ cấp tín dụng không đầy đủ nhưng vì tin tưởng H11 nên ông Đ1 vẫn ký giấy đề xuất và ông N4 ký duyệt đồng ý cho vay. Khi H11 làm thủ tục giải ngân tại Phòng Kế toán, các nhân viên và Lãnh đạo Phòng kế toán gồm: Lê Anh T (kế toán tín dụng), Nguyễn Hồng H4(kế toán tín dụng), Trần Thị Thu H5(nhân viên kho quỹ), Nguyễn Thị Lệ H (Phó phòng kế toán) Đặng Thị Kim X1 (Kế toán trưởng-Trưởng phòng kế toán) kiểm tra thấy hồ sơ cấp tín dụng đã được Phan Minh Anh N4 duyệt cho vay không đầy đủ, thiếu nhiều tài liệu nhưng không yêu cầu H11 bổ sung tài liệu theo quy định mà tiến hành lập chứng từ chi tiền và giao tiền cho H11 mà không giao tiền cho người có tên trên hợp đồng vay. Với thủ đoạn trên Trần Quốc H11 đã lập 21 bộ hồ sơ tín dụng giả, không đủ điều kiện cho vay và giải ngân chiếm đoạt 45.166.640.000 đồng của Công ty Tài chính C.

Với hành vi phạm tội nêu trên của các bị cáo, Bản án HSST số

180/2015/HSST ngày 04/6/2015 của Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh đã xử phạt: Trần Quốc H11 tù Chung thân về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, theo điểm a khoản 4 Điều 139 BLHS năm 1999; Đặng Thị Kim X1 07 năm tù; Nguyễn Thị Lệ H 05 năm tù; Lê Anh T 04 năm tù; Nguyễn Hồng H4 04 năm tù; Trần Thị Thu H5 04 năm tù đều về tội Vi phạm quy định về cho vay trong hoạt động của các tổ chức tín dụng, theo khoản 3 Điều 179 BLHS năm 1999; Phan Minh Anh N4 05 năm tù; Võ Thị Hoàng H9 03 năm tù nhưng cho hưởng án treo đều về tội Thiếu trách nhiệm gây thiệt hại đến tài sản nhà nước, theo khoản 3 Điều 144 BLHS năm 1999.

Sau khi xét xử sơ thẩm, các bị cáo Lê Anh T; Nguyễn Hồng H4; Trần Thị Thu H5; Nguyễn Thị Lệ H; Đặng Thị Kim X1 đều kháng cáo về tội danh và xin được giảm nhẹ hình phạt, hưởng án treo.

Ngày 18/6/2015, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh kháng nghị phúc thẩm đề nghị xử đúng tội danh: Vi phạm quy định về cho vay trong hoạt động của các tổ chức tín dụng đối với Phan Minh Anh N4; tăng hình phạt đối với các bị cáo Lê Anh T; Nguyễn Hồng H4; Trần Thị Thu H5; Nguyễn Thị Lệ H; Đặng Thị Kim X1.

Ngày 03/7/2015, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh kháng nghị phúc thẩm đề nghị tuyên bố bị cáo Võ Thị Hoàng H9 phạm tội Vi phạm quy định về cho vay trong hoạt động của các tổ chức tín dụng, tăng hình phạt và không cho bị cáo H9 được hưởng án treo. Áp dụng thêm điểm g khoản 1 Điều 48 BLHS năm 1999 đối với các bị cáo Lê Anh T; Nguyễn Hồng H4; Trần Thị Thu H5; Nguyễn Thị Lệ H; Đặng Thị Kim X1 và Phan Minh Anh N4.

Tại Bản án HSPT số 704/HSPT ngày 12/12/2016 của Tòa án nhân dân cấp cao tại TP Hồ Chí Minh đã xử phạt: Trần Quốc H11 tù Chung thân về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, theo khoản 4 Điều 139 BLHS năm 1999; Phan Minh Anh N4 06 năm tù về tội “Vi phạm quy định về cho vay trong hoạt động của các tổ chức tín dụng”, theo khoản 3 Điều 179 BLHS năm 1999; Võ Thị Hoàng H9 03 năm tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Thiếu trách nhiệm gây thiệt hại đến tài sản nhà nước”, theo Điều 144 BLHS năm 1999.

Hủy một phần bản án sơ thẩm để điều tra, xét xử lại đối với các bị cáo Đặng Thị Kim X1, Nguyễn Thị Lệ H, Lê Anh T, Nguyễn Hồng H4, Trần Thị Thu H5 đã bị Tòa án cấp sơ thẩm xét xử về tội “Vi phạm quy định về cho vay trong hoạt động của các tổ chức tín dụng”, theo Điều 179 BLHS năm 1999 do

chưa xác định được quy trình cũ tại Quyết định số 04/QĐ-HĐQT ngày 09/7/2004 của Công ty Tài chính C còn hiệu lực để áp dụng đối với Công ty Tài chính TNHH MTV C hay không? và Công ty Tài chính TNHH MTV C có ban hành văn bản khác quy định về chức năng, nhiệm vụ của Phòng kế toán, Phòng tín dụng và các bộ phận khác không?

Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an đã điều tra làm rõ những nội dung mà Bản án hình sự phúc thẩm hủy Bản án sơ thẩm để điều tra lại, cụ thể:

- Về hiệu lực của Quyết định số 04/QĐ ngày 09/7/2004 kèm theo Quy trình tín dụng của Chủ tịch HĐQT Công ty Tài chính C có hiệu lực từ khi ban hành, là văn bản duy nhất vẫn có hiệu lực pháp luật để áp dụng và thực hiện trong suốt quá trình hoạt động cho vay của Công ty Tài chính C (sau đổi tên T1 ty TNHH MTV Tài chính C và Công ty Tài chính TNHH MTV C) cho đến khi sáp nhập vào Tập đoàn Công nghiệp C ngày 01/12/2015. Ngoài quyết định nêu trên, Công ty phải tuân thủ theo Quyết định 1627/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành quy chế cho vay của tổ chức tín dụng.

- Ngày 02/01/1999, Giám đốc Công ty Tài chính C ban hành Quy định số 131A/1998-CV-RFC quy định về chức năng, nhiệm vụ của Phòng Kế toán, trong đó có quy định: "...Phối hợp với Phòng tín dụng đầu tư thực hiện các nghiệp vụ huy động vốn, cho vay, theo dõi kỳ hạn nợ, thu hồi nợ, thu lãi. Quyết định trên không quy định nhiệm vụ cụ thể nhân viên kế toán trong việc giải ngân. Ngày 12/5/2003, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Quyết định số 449/QĐ-NHNN về việc Bổ sung, chỉnh sửa một số nội dung trong giấy phép hoạt động của Công ty Tài chính C và Quyết định số 328/1998/QĐ-NHNN ngày 06/10/1998 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước, theo đó Công ty Tài chính C được mở rộng địa bàn hoạt động trong phạm vi toàn quốc và mở rộng hoạt động nghiệp vụ trong việc huy động vốn từ nhiều nguồn, cho vay dưới nhiều hình thức... Do vậy, Chủ tịch HĐQT Công ty Tài chính C có Quyết định số 04/QĐ-HĐQT ngày 9/7/2004 ban hành Quy trình tín dụng của Công ty Tài chính C là để triển khai, thực hiện theo Luật các tổ chức tín dụng năm 1997; Quyết định 1627 ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước và những văn bản pháp luật có liên quan

Theo quy định tại Mục 3.1 - Bước 4, của Quy trình tín dụng số 04 ngày 9/7/2004 đã quy định rõ trách nhiệm của cán bộ kế toán, kho quỹ như sau: *Sau khi Giám đốc ký duyệt, cán bộ tín dụng nhận lại hồ sơ giải ngân chuyển sang phòng kế toán để tiến hành giải ngân:*

- Mặc dù ở các bước công việc trước đã có sự kiểm tra và chịu trách nhiệm

chính của cán bộ tín dụng, khi thực hiện giải ngân, cán bộ kế toán, kho quỹ vẫn phải thực hiện công tác kiểm tra theo chức năng, nhiệm vụ của mình:

+ Nhân viên kế toán căn cứ vào các quy định hiện hành của nhà nước, của Công ty Tài chính C kiểm tra tính đúng đắn, hợp pháp, hợp lệ của hồ sơ khách hàng, hồ sơ tín dụng, hồ sơ do các Phòng của Công ty lập, chữ ký của Giám đốc, kế toán trưởng doanh nghiệp vay, giấy ủy quyền...

+ Thủ quỹ phải kiểm tra tính đúng đắn của chứng minh nhân dân, tính đúng đắn của người nhận tiền (người thật) với người có tên trên khế ước, hợp đồng tín dụng. Đặc biệt chú ý kiểm tra kỹ các trường hợp nhận tiền thay dù có giấy ủy quyền.

Ngoài ra, tại Mục 4, Bước 3 quy định trách nhiệm của kho quỹ: Nếu cho vay có tài sản đảm bảo, phải được lập hợp đồng bảo đảm và thực hiện công chứng, chứng thực, đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định. Cán bộ tín dụng cùng khách hàng và phụ trách kho quỹ tiến hành giao nhận tài sản giấy tờ gốc về quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản bảo đảm giao dịch tiền vay để bộ phận kho quỹ bảo quản theo quy định. Việc bàn giao hồ sơ, tài sản bảo đảm tiền vay phải lập thành biên bản theo mẫu quy định của Công ty.

Trách nhiệm của các nhân viên phòng kế toán phải kiểm tra bộ hồ sơ cấp tín dụng do Trần Quốc H11 là cán bộ tín dụng lập phải đầy đủ những tài liệu sau: Giấy đề nghị vay vốn, Hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ vay, giấy đề nghị giải ngân...; Hồ sơ pháp lý về khách hàng (giấy tờ nhân thân của người vay như CMND vợ chồng người vay, chủ tài sản, Hộ khẩu gia đình, đăng ký kết hôn...); Hồ sơ về tình hình sản xuất kinh doanh và tài chính; Hồ sơ về Phương án SXKD và Dự án đầu tư đề nghị vay vốn; Hồ sơ về đảm bảo tiền vay (tài sản, giấy tờ gốc về quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản phải có công chứng, chứng thực, đăng ký giao dịch bảo đảm). Tuy nhiên, 21 hồ sơ tín dụng do Trần Quốc H11 chuyển xuống Phòng kế toán chỉ gồm các tài liệu sau: Tờ trình của cán bộ tín dụng đề nghị duyệt cho vay; Hợp đồng tín dụng; Khế ước nhận nợ; Giấy đề nghị giải ngân và giấy tờ gốc về quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản nhưng các bị cáo Nguyễn Hồng H4, Lê Anh T, Trần Thị Thu H5, Nguyễn Thị Lệ H và Đặng Thị Kim X1 biết rõ 21 bộ hồ sơ tín dụng không đủ thủ tục, không đủ điều kiện giải ngân vẫn lập phiếu chi giải ngân để tạo điều kiện cho Trần Quốc H11 nhận được tiền vay trái quy định từ đó Trần Quốc H11 chiếm đoạt tài sản của Công ty tài chính C.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 63/2020/HSST ngày 16/3/2020 Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã xử:

Căn cứ Khoản 3 Điều 179 Bộ luật Hình sự 1999, sửa đổi bổ sung 2009;

Khoản 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật Hình sự 2015:

Xử phạt bị cáo **Đặng Thị Kim X1: 07 (Bảy) năm tù** về tội: “Vi phạm quy định về cho vay trong hoạt động của các tổ chức tín dụng”. Thời hạn tù tính từ ngày 07/2/2017.

Căn cứ Khoản 3 Điều 179 Bộ luật Hình sự 1999, sửa đổi bổ sung 2009; Khoản 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật Hình sự 2015:

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị Lệ H: 05 (Năm) năm tù** về tội: “Vi phạm quy định về cho vay trong hoạt động của các tổ chức tín dụng”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

Căn cứ Khoản 3 Điều 179 Bộ luật Hình sự 1999, sửa đổi bổ sung 2009; Khoản 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật Hình sự 2015:

Xử phạt bị cáo **Lê Anh T: 04 (Bốn) năm tù** về tội: “Vi phạm quy định về cho vay trong hoạt động của các tổ chức tín dụng”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

Căn cứ Khoản 3 Điều 179 Bộ luật Hình sự 1999, sửa đổi bổ sung 2009; Khoản 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật Hình sự 2015:

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Hồng H4: 04 (Bốn) năm tù** về tội: “Vi phạm quy định về cho vay trong hoạt động của các tổ chức tín dụng”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

Căn cứ Khoản 3 Điều 179 Bộ luật Hình sự 1999, sửa đổi bổ sung 2009; Khoản 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật Hình sự 2015:

Xử phạt bị cáo **Trần Thị Thu H5: 04 (Bốn) năm tù** về tội: “Vi phạm quy định về cho vay trong hoạt động của các tổ chức tín dụng”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 17/3/2020, bị cáo Lê Anh T, Nguyễn Hồng H4 kháng cáo kêu oan.

Ngày 24/3/2020, Trần Thị Thu H5, Nguyễn Thị Lệ H kháng cáo kêu oan.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Lê Anh T, Nguyễn Hồng H4, Trần Thị Thu H5, Nguyễn Thị Lệ H kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, hưởng án treo.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa nêu quan điểm:

Án sơ thẩm xử bị cáo về tội “Vi phạm quy định về cho vay trong hoạt động của các tổ chức tín dụng” là có căn cứ, không oan, không sai. Cấp sơ thẩm đã áp dụng tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ đầy đủ. Tập đoàn C có ý kiến xem xét vai trò cho các bị cáo. Căn cứ mức độ hậu quả, các tài liệu bị cáo cung cấp, tài liệu của Tập đoàn C đều đã được xem xét. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên án sơ thẩm.

Luật sư C1 bào chữa cho bị cáo H trình bày: Bản án sơ thẩm xử bị cáo H về tội “Vi phạm quy định về cho vay trong hoạt động của các tổ chức tín dụng”, tuyên phạt 05 năm tù là quá nghiêm khắc. Căn cứ pháp lý để xét xử bị cáo là căn cứ vào quy trình tín dụng 04 của Công ty C. Quy trình 04 áp dụng cho Công ty Tài chính C. Các bị cáo là nhân viên của Công ty Tài chính TNHH MTV C. Về giá trị pháp lý, quy trình không có ngày tháng. Tại phiên tòa phúc thẩm và quá trình điều tra, Tập đoàn C thừa nhận là văn bản nội bộ, không phải là văn bản quy phạm pháp luật. Khi đổi tên công ty, quy trình này không được Chủ tịch Hội đồng quản trị mới ban hành lại hoặc có văn bản tiếp tục áp dụng quy trình này. Nhân viên phòng kế toán khẳng định họ không biết quy trình này, người trước hướng dẫn người sau thực hiện theo. Chính bản cáo trạng tháng 05/2015 đã nêu một số cán bộ như Trần Mai T14, Lê Thùy Quỳnh N3 và Phan Thị Hồng L4 không biết quy trình tín dụng nên không bị truy tố. Tổng giám đốc ông N4 khai Quyết định 04 có được quán triệt tới các phòng ban. Việc các phòng ban có phổ biến tiếp cho nhân viên hay không thì ông N4 không biết. Bút lục 3194 bà Kim X1 khẳng định Quy trình tín dụng ban hành 2004 do chưa có khách hàng nên không thực hiện. Chỉ khi có khách hàng vào năm 2008 thì Tổng giám đốc ban hành Thông báo số 259 để thực hiện là Tổng giám đốc duyệt cho vay thì kế toán phải giải ngân. Trong hồ sơ 04 bị cáo có lời khai việc làm của mình sai so với quy trình 04. Quy trình 04 do Điều tra viên đưa ra để đối chiếu với các hồ sơ các bị cáo đã thực hiện. Sau khi án phúc thẩm hủy để đánh giá tính pháp lý của quy trình 04. Bộ luật hình sự 2015 ra đời thay thế Bộ luật hình sự năm 1999. Tại văn bản trả điều tra bổ sung của Viện kiểm sát nhân dân tối cao khẳng định do có sự thay đổi, Bộ luật hình sự 2015 không có hành vi khác nên hành vi của các bị cáo vi phạm điều khoản nào của Bộ luật hình sự mới. Các bị cáo vi phạm điều kiện cấp tín dụng để truy tố các bị cáo nhưng điều kiện cấp tín dụng là do bộ phận tín dụng, người có thẩm quyền duyệt cho vay là Tổng giám đốc duyệt. Các bị cáo chỉ tham gia giải ngân, không có tham gia đề xuất tín dụng. Hành vi của bị cáo H là kế toán tổng hợp, không có vai trò chức năng gì đến khi Trưởng phòng kế toán giao nhiệm vụ ký tên phiếu chi dẫn đến hậu quả bị cáo H11 lừa đảo chiếm đoạt tài sản của công ty. Bị cáo H nhận thức được hành vi của mình là sai trái. Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét hành vi của bị cáo. Bị cáo thực hiện hành vi thụ động, không có động cơ mục đích gì. Bản thân bị cáo còn chịu khó với công việc, được tặng thưởng nhiều Bằng khen, giấy khen. Tập đoàn C có nhiều văn bản đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Hiện tại, bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, bị cáo bị bệnh, nuôi chồng bệnh thiếu năng tuần hoàn não, bị cáo phát hiện sai sót của bị cáo H11, có công lao phát hiện tội phạm. Án sơ thẩm xử bị cáo 05 năm tù là không công bằng. Bị cáo N4 là người đứng đầu công ty, đề ra chủ trương cho vay không có tài sản bảo đảm, chỉ đạo các bị cáo giải ngân khi chưa đầy đủ thủ tục chỉ bị xử lý 06 năm tù. Đề nghị Hội đồng xét xử cân nhắc mức án, các bị cáo chỉ là người làm công ăn lương. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh cho rằng cấp sơ thẩm xem xét hết các tình tiết giảm nhẹ là chưa thỏa đáng. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo H, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo hưởng án treo vì hành vi của bị cáo không

còn nguy hiểm cho xã hội theo Bộ luật hình sự mới. Bị cáo nhận thức được hành vi phạm tội của bị cáo.

Bị cáo H trình bày: Thống nhất ý kiến của người bào chữa, xin giảm nhẹ hình phạt, hưởng án treo.

Luật sư H6 bào chữa cho bị cáo H4 trình bày: Đồng ý quan điểm của luật sư C1 bảo vệ cho bị cáo H trình bày. Hành vi của bị cáo bắt nguồn từ Quyết định 04 ban hành ngày 09/7/2004. Công ty Tài chính C phải bị điều chỉnh theo Luật Doanh nghiệp nhà nước năm 2003, điều lệ công ty. Điểm c khoản 2 Điều 30 Luật Doanh nghiệp nhà nước quy định rõ nhiệm vụ quyền hạn của Hội đồng quản trị. Quy trình 04 là quy trình nội bộ. Quy trình này là quy trình quan trọng thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị. Chủ tịch Hội đồng quản trị lại ký chứ không phải thẩm quyền của Hội đồng quản trị, trong khi đó Hội đồng quản trị có 03 người, không được Hội đồng quản trị ủy quyền ký quy trình này. Quyết định này sai thẩm quyền không được áp dụng. Theo quy định tại Nghị định 110/2004/NĐ-CP ngày 08/4/2004 của Chính phủ về văn thư lưu trữ thì Quyết định 04 sai về hình thức văn bản. Vấn đề quan trọng của tổ chức thì phải được thảo luận tập thể và quyết định theo đa số, ký thay mặt Tập thể chứ không được ký với tư cách cá nhân. Quyết định 04 sai thẩm quyền và hình thức văn bản nên không có giá trị pháp lý. Hội đồng xét xử phúc thẩm đã trả hồ sơ để làm rõ hiệu lực của Quyết định số 04. Kết luận điều tra bổ sung số 58, cơ quan cảnh sát điều tra chỉ căn cứ nguồn chứng cứ là Công văn 324 của Tập Đoàn C trả lời đề kháng định Quyết định 04 có hiệu lực, thu thập các cán bộ nguyên là lãnh đạo Phòng kế toán Công ty Tài chính TNHH MTV C để Tập Đoàn C trả lời. Chủ tịch, giám đốc dính vào vòng lao lý, sử dụng làm nguồn chứng cứ có xác thực hay không. Tại thời điểm xác nhập, Tập Đoàn C trả lời công văn cho Cơ quan điều tra thì Tập Đoàn C không có giấy phép hoạt động ngân hàng, đã bị rút giấy phép hoạt động vào năm 2015. Quy trình 04 là quy trình trong hoạt động ngân hàng, nguồn thu thập không đảm bảo khách quan. Bà Kim X1 trả lời tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, Quyết định 04 Ban giám đốc không phổ biến đối với cán bộ nhân viên, bản thân Tổng giám đốc thấy quyết định không hợp pháp nên năm 2008 không áp dụng và ra Thông báo 259. Bản thân bà có nhận được Quyết định 04. Quyết định 04 không được áp dụng vì không hợp pháp. Hành vi của các bị cáo không cấu thành tội theo điểm g Khoản 1 Điều 206 Bộ luật hình sự năm 2015. Cả 04 bị cáo đều thực hiện theo Quyết định 131 quy định chức năng nhiệm vụ kế toán, Thông báo 259 của Tổng giám đốc. Xét chính sách khoan hồng, có lợi cho các bị cáo, các hành vi chưa cấu thành tội. Bối cảnh lịch sử, hoàn cảnh đó, nhân viên thực hiện theo mệnh lệnh của thủ trưởng dẫn đến các cán bộ kế toán vào việc vi phạm. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 13, Điều 355, 357 Bộ luật tố tụng hình sự, sửa án sơ thẩm, miễn trách nhiệm hình sự cho bị cáo H4.

Bị cáo H4 trình bày: Thống nhất ý kiến của người bào chữa, xin giảm nhẹ hình phạt, hưởng án treo.

Luật sư T11 bào chữa cho bị cáo T và bị cáo H5 trình bày: Trong 01 vụ

cùng 01 hành vi phạm tội nhưng có người bị xử lý trách nhiệm hình sự, có người được miễn trách nhiệm nên các bị cáo kêu oan. Tại phiên tòa, hai bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt. Các bị cáo bị cáo H11 lừa, do áp lực của thủ trưởng đơn vị, chỉ kiểm tra 04 loại hồ sơ như giấy đề nghị giải ngân, hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ, tờ trình báo cáo kết quả thẩm định và duyệt cho vay. 06 loại hồ sơ theo Quy định 04 thì lúc điều tra các bị cáo mới biết. Công ty Tài chính C cũng có lỗi, các bị cáo không được đào tạo thường xuyên. Kính mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Thời gian qua, các bị cáo đã bị nhiều áp lực của xã hội đối với gia đình.

Bị cáo T trình bày: Thông nhất ý kiến của người bào chữa, xin giảm nhẹ hình phạt, hưởng án treo. Nếu thủ quỹ chỉ đúng người, hạn chế sẽ giảm đi rất nhiều. Thủ quỹ bị xử 03 năm tù cho hưởng án treo về tội thiếu tinh thần trách nhiệm đã thi hành án xong, do đó bị cáo có phạm tội thì là tội Thiếu tinh thần trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng.

Bị cáo H5 trình bày: Thông nhất ý kiến của người bào chữa, xin giảm nhẹ hình phạt, hưởng án treo.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia tranh luận: Các người bào chữa đều có chung quan điểm là Quyết định 04 không đúng thẩm quyền, hình thức, không được phổ biến và xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Quy trình 04 là quy trình nội bộ, hoạt động của tổ chức tín dụng. Quy trình này chưa bị cơ quan chức năng cho rằng sai trái. Các bị cáo cho rằng chưa được phổ biến nhưng bị cáo Kim X1 cho rằng quy trình 04 có thông báo cho nhân viên phòng kế toán, để tại phòng cho mọi người tìm hiểu, khi họp không có lập văn bản. Các bị cáo phải biết công việc của mình làm. Các bị cáo đã bỏ qua quy định không kiểm tra các tài liệu dẫn đến H11 chiếm đoạt tiền. Án sơ thẩm đã xem xét các tình tiết cho các bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên án sơ thẩm.

Luật sư C1 tranh luận: Bị cáo Kim X1 có phổ biến trong phòng kế toán nhưng phổ biến năm nào. Các bị cáo chưa làm việc vào năm 2004 tại phòng kế toán.

Đại diện Tập Đoàn C trình bày: Làm rõ Quyết định 04 thì từ khi ban hành quy trình này đến năm 2008 là ban hành đúng thẩm quyền, quy định của pháp luật, quy định liên quan đến hoạt động tín dụng. Việc phổ biến quan trọng đến nhân viên sẽ do Lãnh đạo Công ty Tài chính C quán triệt. Nhất trí quan điểm của luật sư là vụ án xảy ra tại công ty là công ty có thiếu sót. Những người đứng đầu công ty, Tổng giám đốc và những người chủ mưu khác đã bị xử lý nghiêm khắc. Để phân hóa vai trò, các bị cáo là cán bộ làm việc trong tập đoàn nhiều năm, nhiều bị cáo hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, được tặng nhiều Bằng khen, giấy khen trong công tác. Qua quá trình xét xử dài, các bị cáo đã nhận thức được hành vi phạm tội của mình vì tự tin, cả nể. Xét góc độ người lao động, các bị cáo đóng góp đáng kể giảm thiệt hại, có tài liệu tố giác tội phạm cho cơ quan chức năng. Đề nghị đại diện Viện kiểm sát cân nhắc phân hóa vai trò của các bị cáo để có bản án thuyết phục. Ngân

hàng nhà nước rút giấy phép khi nào vì giấy phép có điều kiện, ông không thể trả lời ngay để phải kiểm tra lại. Quyết định 04 chưa phát hiện là văn bản ban hành sai thẩm quyền, nên vẫn áp dụng.

Luật sư H6 bào chữa cho bị cáo H4 trình bày: vẫn giữ nguyên quan điểm đã trình bày.

Luật sư C1 bào chữa cho bị cáo H trình bày: Vào năm 2015, Nhà nước đã rút giấy phép với Tập Đoàn C. Công ty Tài chính C trước đây hoạt động tổ chức tín dụng, không phải là tổ chức ngân hàng. Quy trình 04 là quy trình nội bộ, không phải là văn bản của ngân hàng Nhà nước. Tại văn bản yêu cầu xác minh của Bộ Công an yêu cầu ngân hàng Nhà nước trả lời có phải là quy định của pháp luật đã không được thu thập, ngân hàng nhà nước không trả lời. Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát chứng minh các bị cáo vi phạm điều khoản cụ thể nào? Điều kiện cấp tín dụng là điều kiện gì được quy định ở đâu. Truy tố các bị cáo vi phạm chưa có căn cứ. Các bị cáo thừa nhận hành vi của mình, qua hồ sơ tài liệu, hành vi của các bị cáo không vi phạm điều kiện cấp tín dụng theo Bộ luật hình sự năm 2015. Kính mong Hội đồng xét xử miễn trách nhiệm hình sự cho các bị cáo.

Luật sư T11 bào chữa cho bị cáo T và bị cáo H5 trình bày: Bị cáo T có đơn xin miễn trách nhiệm hình sự. Kính mong Hội đồng xét xử miễn trách nhiệm hình sự cho bị cáo T và bị cáo H5.

Bị cáo H trình bày: Kính mong Hội đồng xét xử miễn trách nhiệm hình sự cho bị cáo như ba kế toán khác. Nếu không miễn trách nhiệm hình sự được thì giảm nhẹ hình phạt, cho bị cáo hưởng án treo.

Bị cáo T trình bày: Kính mong Hội đồng xét xử miễn trách nhiệm hình sự cho bị cáo như ba kế toán khác. Nếu không miễn trách nhiệm hình sự được thì giảm nhẹ hình phạt, cho bị cáo hưởng án treo. Thủ quỹ là người chi tiền sai làm mất tiền đã được 03 năm tù cho hưởng án treo.

Bị cáo H5 trình bày: Kính mong Hội đồng xét xử miễn trách nhiệm hình sự cho bị cáo như ba kế toán khác. Nếu không miễn trách nhiệm hình sự được thì giảm nhẹ hình phạt, cho bị cáo hưởng án treo.

Bị cáo H4 trình bày: Kính mong Hội đồng xét xử miễn trách nhiệm hình sự cho bị cáo như ba kế toán khác. Nếu không miễn trách nhiệm hình sự được thì giảm nhẹ hình phạt, cho bị cáo hưởng án treo.

Đại diện bị hại trình bày: Đã nộp Quyết định 1634/QĐ-TTg ngày 22/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc sáp nhập Công ty Tài chính TNHH MTV Việt Nam vào Công ty Mẹ - Tập Đoàn Công nghiệp C. Quyết định 2613/QĐ-NHNN ngày 23/12/2015 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc thu hồi giấy phép hoạt động của Công ty Tài chính TNHH MTV C, không tranh luận gì thêm.

Bị cáo H trình bày: Bị cáo là kế toán tổng hợp, đối chiếu số liệu. Bị cáo không có quyền hạn cho vay. Bị cáo tích cực tố giác tội phạm về hành vi phạm tội

của H11, thủ quỹ đưa tiền cho H11 trong khi phiếu chỉ tên người khác. 03 kế toán trong phòng đã được miễn trách nhiệm hình sự, bị cáo hoàn thành tốt trong công tác, con sức khỏe kém, chồng bị bệnh thiếu năng tuần hoàn não. Nếu không miễn trách nhiệm hình sự được thì giảm nhẹ hình phạt, cho bị cáo hưởng án treo.

Bị cáo T trình bày: Bị cáo làm đúng nhiệm vụ phân công của kế toán trưởng. Bị cáo có lập phiếu chi, không phải là nguyên nhân mất tiền. Thủ quỹ không căn cứ vào phiếu chi, tên khách hàng đã ghi mà chi tiền sai đối tượng. Bị cáo là lao động chính trong gia đình, 02 con khuyết tật về mắt. Kính mong Hội đồng xét xử miễn trách nhiệm hình sự cho bị cáo như ba kế toán khác. Nếu không miễn trách nhiệm hình sự được thì giảm nhẹ hình phạt, cho bị cáo hưởng án treo. Thủ quỹ cũng chỉ xử 03 năm tù cho hưởng án treo.

Bị cáo H5 trình bày: Bị cáo lúc làm không biết hành vi của mình làm là sai với quy trình của công ty. Bản chất sự việc mất tiền là do thủ quỹ chi sai đối tượng làm thất thoát tiền công ty. Bị cáo không nghĩ mình rơi vào vòng lao lý. Hoàn cảnh của bị cáo con còn quá nhỏ, trong độ tuổi phát triển. Kính mong Hội đồng xét xử miễn trách nhiệm hình sự cho bị cáo như ba kế toán khác. Nếu không miễn trách nhiệm hình sự được thì giảm nhẹ hình phạt, cho bị cáo hưởng án treo.

Bị cáo H4 trình bày: Bị cáo vẫn được Tập Đoàn C cho đi làm từ trước đến nay. Bị cáo là lao động chính, chồng bị bệnh và thất nghiệp, mẹ già 87 tuổi, các con còn nhỏ đang đi học. bị cáo lập phiếu chi tên khách hàng, không biết thủ quỹ chi sai, chi tiền cho H11. Bị cáo có sai nên mới đứng trước Tòa ngày hôm nay. Kính mong Hội đồng xét xử miễn trách nhiệm hình sự cho bị cáo như ba kế toán khác. Nếu không miễn trách nhiệm hình sự được thì giảm nhẹ hình phạt, cho bị cáo hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Công ty Tài chính C được thành lập theo Quyết định số 2101/QĐ.BNN/TCCB ngày 23/7/1998 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, ngày 25/12/2009 có Quyết định số 3664 đổi tên thành Công ty Tài chính TNHH MTV C, đến ngày 01/12/2015, Công ty Tài chính TNHH MTV C (gọi tắt là Công ty Tài chính C) sát nhập về Tập đoàn Công nghiệp C theo Quyết định số 1634/QĐ-TTg ngày 22/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ.

Về chức năng hoạt động: Căn cứ Điều 20 Luật các tổ chức tín dụng năm 1997; Quyết định số 449/QĐ-NHNN ngày 12/5/2003 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam bổ sung, chỉnh sửa Giấy phép hoạt động, theo đó Công ty Tài chính C là tổ chức tín dụng do nhà nước nắm giữ 100% vốn có chức năng huy động vốn và sử dụng vốn để cho vay theo quy định của Ngân hàng nhà nước nên

toàn bộ quy trình hoạt động cấp tín dụng, huy động vốn ngoài việc tuân thủ các quy định của nội bộ Công ty còn phải nghiêm túc tuân thủ các quy định về cho vay của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Trong quá trình thực hiện chức năng nhiệm vụ được giao từ thời điểm năm 2009 đến ngày 30/12/2011, một số cán bộ, Lãnh đạo bộ phận nghiệp vụ và lãnh đạo Công ty Tài chính C đã buông lỏng quản lý, làm sai nguyên tắc tạo điều kiện để Trần Quốc H11 (là cán bộ tín dụng của Công ty Tài chính C) đã tự ký hoặc nhờ người khác giả mạo chữ ký của người có tài sản để lập 21 bộ hồ sơ tín dụng vay và chiếm đoạt được số tiền 45.166.640.000 đồng của Công ty Tài chính C. Liên quan đến hành vi sai phạm này, các cơ quan tiến hành tố tụng đã khởi tố vụ án, truy tố và đưa ra xét xử đối với các cá nhân như sau: Trần Quốc H11 (Cán bộ tín dụng), Phan Minh Anh N4 (Tổng giám đốc), Đặng Thị Kim X1 (trưởng phòng Kế toán), Nguyễn Thị Lệ H (Phó trưởng phòng Kế toán), Võ Thị Hoàng H9 (thủ quỹ Công ty), Lê Anh T (nhân viên phòng kế toán), Nguyễn Hồng H4 (Nhân viên phòng kế toán), Trần Thị Thu H5 (nhân viên kho quỹ thuộc phòng Kế toán) thông qua các bản án hình sự sơ thẩm số 180/2015/HSST ngày 04/6/2015 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và Bản án Hình sự phúc thẩm số 704/HSPT ngày 12/12/2016 của Tòa án nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, đến nay phần xét xử bị cáo Trần Quốc H11, Phan Minh Anh N4, Võ Thị Hoàng H9 đã có hiệu lực pháp luật. Riêng hành vi của các bị cáo Đặng Thị Kim X1, Nguyễn Thị Lệ H, Lê Anh T, Nguyễn Hồng H4, Trần Thị Thu H5, Tòa án cấp phúc thẩm đã hủy một phần bản án và đề nghị điều tra lại.

Đặng Thị Kim X1 đã đồng ý với Bản án hình sự sơ thẩm số 63/2020/HSST ngày 16/3/2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, không kháng cáo và không bị kháng cáo, không bị kháng nghị.

[2] Về hiệu lực của Quyết định số 04/QĐ/HĐQT ngày 09/7/2004 của Công ty Tài chính C: tại biên bản xác minh ngày 22/11/2017 của Cơ quan Cảnh sát điều tra – Bộ Công an và Tập đoàn C thể hiện: “Ngày 09/7/2004, Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Tài chính C ra quyết định số 04/QĐ-HĐQT ban hành quy trình tín dụng, việc đổi tên công ty (02 lần đổi tên) là thay đổi tên gọi của công ty theo chủ trương chung mà không làm thay đổi nội dung kinh doanh. Do đó, Quy trình tín dụng vẫn được áp dụng qua 02 lần chuyển đổi công ty mà không cần Hội đồng quản trị ban hành lại. Hoạt động cho vay, giải ngân vẫn thực hiện theo cách đã làm trước. Vì thế, không có văn bản nào thay thế hoặc bãi bỏ Quy trình tín dụng trên nên Quy trình tín dụng vẫn có hiệu lực pháp luật để thực hiện trong quá trình kinh doanh” (Bút lục 2988, 2989), điều này còn phù hợp với nội dung trả lời của Tập đoàn Công nghiệp C tại công văn số 324/HĐTVCSVN-TCKT ngày 15/5/2018 (Bút lục 3274), kể cả phù hợp với lời khai của Phan Minh Anh N4 – Nguyên Tổng giám đốc Công ty Tài chính C xác định: “Quyết định 04/QĐ nêu trên có được quán

triệt đến tất cả các phòng ban...khi Công ty Tài chính C thay đổi tên, vẫn áp dụng thực hiện trong quá trình giải quyết cho vay, không có văn bản nào khác thay thế” (Bút lục 3194) và phù hợp với lời khai của Đặng Thị Kim X1 - nguyên Trưởng phòng kế toán Công ty Tài chính C xác định: “ *Quyết định 04/QĐ ngày 09/7/2004 áp dụng thực hiện cho Công ty qua 03 lần đổi tên như trên, không có văn bản nào khác thay thế”* (Bút lục 3196,3197). Như vậy, Quyết định số 04/QĐ ngày 09/7/2004 kèm theo Quy trình tín dụng của Chủ tịch HĐQT Công ty Tài chính C vẫn có hiệu lực để áp dụng và thực hiện trong suốt quá trình hoạt động cho vay của Công ty Tài chính C cho đến khi sáp nhập vào Tập đoàn Công nghiệp C.

Tại mục II “*Phạm vi áp dụng*” của Quy trình tín dụng được ban hành theo Quyết định số 04/2004 ngày 09/7/2004 thì quy trình này được áp dụng trong việc cho vay của Công ty Tài chính C, theo đó trình tự các bước thực hiện trong việc cho vay tại Công ty Tài chính C từ khi chuẩn bị hồ sơ đề nghị cấp tín dụng đến khi chấm dứt, tất toán hợp đồng tín dụng phải trải qua 06 bước, trong đó nhiệm vụ của phòng kế toán là nằm trong một chuỗi hoạt động tín dụng của Công ty. Và tại Mục 3.1, Bước 4, của Quy trình tín dụng quy định nhiệm vụ cụ thể trong việc giải ngân là “*phải kiểm tra tính đúng đắn, hợp pháp, hợp lệ của hồ sơ khách hàng, hồ sơ tín dụng và giao tiền cho đúng đối tượng thụ hưởng*”. Đối với nhân viên kho quỹ, tại Mục 4, Bước 3 của Quy trình tín dụng quy định trách nhiệm của kho quỹ như sau: “*Nếu cho vay có tài sản đảm bảo, phải được lập hợp đồng bảo đảm và thực hiện công chứng, chứng thực, đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định. Cán bộ tín dụng cùng khách hàng và phụ trách kho quỹ tiến hành giao nhận tài sản giấy tờ gốc về quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản bảo đảm giao dịch tiền vay để bộ phận kho quỹ bảo quản theo quy định*”.

Ngoài việc phải tuân thủ các quy định nêu trên, Công ty Tài chính C với tư cách là một tổ chức tín dụng thực hiện hoạt động cho vay còn phải tuân thủ Quyết định 1627/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam ban hành quy chế cho vay của tổ chức tín dụng. Theo đó, tại Điều 7 về điều kiện cấp tín dụng của Quyết định nêu rõ, Tổ chức tín dụng xem xét và quyết định cho vay khi khách hàng có đủ các điều kiện sau đây: “*2. Mục đích sử dụng vốn vay hợp pháp; 3. Có khả năng tài chính đảm bảo trả nợ trong thời hạn cam kết; 4. Có dự án đầu tư, phương án sản xuất, kinh doanh, dịch vụ khả thi và có hiệu quả; hoặc có dự án đầu tư, phương án phục vụ đời sống khả thi và phù hợp với quy định của pháp luật*”.

Biên bản làm việc ngày 13/9/2018 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ công an

với Tập Đoàn tài chính C (Bút lục 3752) cũng đã thể hiện:

" Quyết định số 04/QĐ-HĐQT do Chủ tịch HĐQT Công ty Tài chính C ban hành ngày 09/7/2004 là văn bản quy nhất áp dụng trong hoạt động tín dụng của Công ty Tài chính C từ khi thành lập đến khi sáp nhập vào Tập đoàn C gồm các bước từ thẩm định, phê duyệt, giải ngân, lưu trữ Văn bản này áp dụng xuyên suốt, không có văn bản nào khác thay thế.

Cán bộ kế toán, kho quỹ khi thực hiện nhiệm vụ được quy định tại Mục 3.1 - Bước 4, cụ thể như sau:

“Sau khi Giám đốc ký duyệt, cán bộ tín dụng nhận lại hồ sơ giải ngân chuyển sang phòng kế toán để tiến hành giải ngân:

Mặc dù ở các bước công việc trước đã có sự kiểm tra và chịu trách nhiệm của cán bộ tín dụng, khi thực hiện giải ngân, cán bộ kế toán, kho quỹ vẫn phải thực hiện công tác kiểm tra theo chức năng, nhiệm vụ của mình:

+ Nhân viên kế toán căn cứ vào các quy định hiện hành của nhà nước, của Công ty Tài chính C kiểm tra tính đúng đắn, hợp pháp, hợp lệ của hồ sơ khách hàng, hồ sơ tín dụng, hồ sơ do các Phòng của công ty lập, chữ ký của Giám đốc, kế toán trưởng doanh nghiệp vay, giấy ủy quyền... ”

+ Thủ quỹ phải kiểm tra tính đúng đắn của chứng minh nhân dân, tính đúng đắn của người nhận tiền (người thật) với người có tên trên khế ước, hợp đồng tín dụng. Đặc biệt chú ý kiểm tra kỹ các trường hợp nhận tiền thay dù có giấy ủy quyền ”.

So với quy trình của Công ty, Nguyễn Hồng H4, Lê Anh T, Trần Thị Thu H5, Nguyễn Thị Lệ H và Đặng Thị Kim X1 đã không kiểm tra hoặc kiểm tra không đầy đủ, bỏ qua các chức năng nhiệm vụ của mình, tiến hành các thủ tục lập phiếu chi giải ngân, ký tên trên các phiếu chi để tạo điều kiện cho Trần Quốc H11 chiếm đoạt tiền của đơn vị, đến nay vẫn bị thiệt hại 37.390.000.000 đồng chưa thu hồi được.

Hành vi vi phạm của Nguyễn Hồng H4 là kế toán tín dụng: có nhiệm vụ tiếp nhận hồ sơ tín dụng do Phòng tín dụng thiết lập theo quy trình tín dụng chuyển xuống và có trách nhiệm kiểm tra tính đúng đắn, hợp pháp, hợp lệ của hồ sơ khách hàng, hồ sơ tín dụng, chữ ký của Giám đốc, kế toán trưởng doanh nghiệp vay, giấy ủy quyền... Khi đã kiểm tra thấy hồ sơ cấp tín dụng đầy đủ thủ tục thì lập phiếu chi, trình lãnh đạo phòng kế toán duyệt chi. Trong 21 hợp đồng tín dụng do Trần Quốc H11 lập, bị cáo H4 liên quan đến 11 hợp đồng tín dụng thiếu các thủ tục quy định như không có chứng minh nhân dân, hộ khẩu của khách hàng; không có phương án vay vốn hoặc giấy đề nghị vay vốn; phương án vay vốn và giấy đề nghị vay vốn thiếu nội dung, chữ ký của khách hàng...Như vậy, các hợp đồng tín dụng này không hợp lệ, hợp pháp, đầy đủ thủ tục theo quy định nhưng bị cáo H4 với vai

trò kế toán tín dụng vẫn lập phiếu chi, ký tên ở mục “Sổ phụ” của 23 phiếu chi, trình Nguyễn Thị Lệ H ký ở mục “Kiểm soát”, trình “Đặng Thị Kim X1 ký ở mục “Thủ trưởng đơn vị” giải ngân. Ngoài ra tại phiếu chi số 03/PC/A ngày 02/6/2010, bị cáo H4 giao 03 tỉ đồng không đúng đối tượng thụ hưởng. Theo quy định, khách hàng vay là ông Nguyễn Văn T16 phải có mặt, mang CMND đối chiếu, ký nhận tiền nhưng Nguyễn Hồng H4 không thực hiện đúng quy định này mà giao tiền trực tiếp cho Trần Quốc H11. Tất cả 23 phiếu chi đã chi giải ngân số tiền 23.600.000.000 đồng. Quá trình điều tra, xét xử một số các nhân liên quan đã khắc phục 2.690.000.000 đồng, còn lại Hoàng chiếm đoạt 20.910.000.000 đồng.

Hành vi vi phạm của bị cáo Lê Anh T là kế toán tín dụng: có nhiệm vụ tiếp nhận hồ sơ tín dụng và có trách nhiệm kiểm tra tính đúng đắn, hợp pháp, hợp lệ của hồ sơ khách hàng, hồ sơ tín dụng, chữ ký của Giám đốc, kế toán trưởng doanh nghiệp vay, giấy ủy quyền... Khi đã kiểm tra thấy hồ sơ tín dụng đầy đủ thủ tục thì lập phiếu chi, trình lãnh đạo phòng kế toán duyệt chi. Trong 21 hợp đồng tín dụng do Trần Quốc H11 lập giả, bị cáo T liên quan đến 13 hợp đồng tín dụng thiếu các thủ tục quy định như không có chứng minh nhân dân, hộ khẩu của khách hàng; không có giấy đề nghị vay vốn của khách hàng... Mặc dù biết các hợp đồng tín dụng này không đầy đủ thủ tục theo quy định nhưng bị cáo T với vai trò kế toán tín dụng vẫn lập 11 phiếu chi, ký tên ở mục “Sổ phụ”; ký nháy phía trên mục “Kiểm soát” của 09 phiếu chi, trình Nguyễn Thị Lệ H ký ở mục “Kiểm soát”, trình Đặng Thị Kim X1, ký ở mục “Thủ trưởng đơn vị” để chi giải ngân tổng số tiền 29.200.000.000 đồng. Trong quá trình điều tra, xét xử một số cá nhân liên quan đã nộp 2.770.000.000 đồng, còn lại 26.430.000.000 đồng bị Trần Quốc H11 chiếm đoạt.

Hành vi vi phạm của bị cáo Trần Thị Thu H5 làm nhiệm vụ kho quỹ: có nhiệm vụ tiếp nhận Hồ sơ về tài sản đảm bảo gồm các tài liệu: Hợp đồng thế chấp tài sản, Đăng ký giao dịch bảo đảm, Biên bản thẩm định giá, Giấy tờ liên quan-đến tài sản thế chấp (GCNQSDĐ, tờ khai trước bạ...) và Biên nhận giấy tờ tài sản thế chấp. Sau khi kiểm tra thấy đầy đủ tài liệu bị cáo H5 ký tên ở mục “Kho quỹ” trên Biên nhận giấy tờ tài sản thế chấp trình Nguyễn Thị Lệ H, Phó phòng kế toán ký ở mục “Kế toán”, trình Đặng Thị Kim X1, Trưởng Phòng kế toán ký ở mục “Giám đốc”. Trong 21 hồ sơ tín dụng do H11 làm giả có 18 hồ sơ tín dụng không đủ điều kiện quy định: hợp đồng thế chấp tài sản không được công chứng, chứng thực, không đăng ký giao dịch bảo đảm nhưng bị cáo H5 không yêu cầu H11 bổ sung mà ký nhận ở mục “Kho quỹ” trên giấy Biên nhận giấy tờ tài sản thế chấp rồi trình lãnh đạo Phòng kế toán (bà H, bà Kim X1) ký duyệt. Ngoài ra, tại phiếu chi số 02/PC ngày 21/9/2011, bị cáo H5 đã giao 1.160.000.000 đồng không đúng đối tượng thụ hưởng, theo quy định khách hàng Nguyễn Thị Thanh D1 phải đến xuất trình CMND để đối chiếu, ký nhận tiền nhưng không có mặt, Trần Thị Thu H5 lại giao tiền cho Trần Quốc H11, tạo điều kiện cho Trần Quốc H11 chiếm đoạt được 37.390.000.000 đồng.

Hành vi vi phạm của bị cáo Nguyễn Thị Lệ H làm Phó phòng kế toán: Đối với 21 hợp đồng tín dụng do Trần Quốc H11 lập giả, mặc dù không đầy đủ thủ tục theo quy định như nội dung đã nêu ở phần hành vi của Nguyễn Hồng H4, Lê Anh T, Trần Thị Thu H5 nhưng với vai trò Phó phòng kế toán biết hồ sơ tín dụng không đủ điều kiện giải ngân các bị cáo là nhân viên dưới quyền đã lập phiếu chi nhưng bị cáo vẫn ký tên ở mục “Kiểm soát” trên 34 phiếu chi (trong đó có 02 phiếu chi bị cáo ký ở mục “Thủ trưởng đơn vị”; trình bà Đặng Thị Kim X1, Trưởng Phòng kế toán ký ở mục “Thủ trưởng đơn vị” 32 phiếu chi còn lại) chi giải ngân số tiền 46.760.000.000 đồng. Trong quá trình điều tra, xét xử, một số cá nhân liên quan đã khắc phục 2.770.000.000 đồng, còn lại Trần Quốc H11 chiếm đoạt 43.826.640.000 đồng.

Hành vi vi phạm của bị can Đặng Thị Kim X1 chức vụ Kế toán trưởng: Trưởng phòng kế toán Công ty Tài chính C: có nhiệm vụ kiểm soát hồ sơ cấp tín dụng lần cuối trước khi ký phiếu chi và Giấy biên nhận tài sản ở mục “Thủ trưởng đơn vị” để làm thủ tục giải ngân. 20 hợp đồng tín dụng do Trần Quốc H11 chuyển đến Phòng kế toán không đủ điều kiện giải ngân như hồ sơ vay vốn không có chứng minh thư nhân dân, Hộ khẩu khách hàng; không có giấy đề nghị vay vốn và phương án vay vốn của khách hàng, hợp đồng thế chấp tài sản chưa công chứng, tài sản thế chấp không đăng ký giao dịch đảm bảo đã được các bị cáo là nhân viên dưới quyền lập phiếu chi nhưng bị cáo Kim X1 với vai trò Trưởng phòng kế toán vẫn ký tên ở mục “Thủ trưởng đơn vị” trên 33 phiếu chi, cho giải ngân 43.100.000.000 đồng. Trong quá trình điều tra, xét xử, một số cá nhân liên quan đã khắc phục 243.360.000 đồng, còn lại Trần Quốc H11 chiếm đoạt 39.856.640.000 đồng.

Các nhân viên thuộc Phòng kế toán ngoài việc thực hiện nhiệm vụ tại Quy định số 131A/1998-CV-RFC ngày 02/01/1999, quy định về chức năng, nhiệm vụ của Phòng Kế toán còn phải có trách nhiệm thực hiện Quy trình tín dụng quy định việc giải ngân là phải kiểm tra tính đúng đắn, hợp pháp, hợp lệ của hồ sơ khách hàng, hồ sơ tín dụng và giao tiền cho đúng đối tượng thụ hưởng. Nội dung này phù hợp với lời khai của Phan Minh Anh N4, nguyên Tổng Giám đốc (đã bị kết án về tội Vi phạm quy định về cho vay trong hoạt động của các tổ chức tín dụng) đã khai: Quy trình tín dụng số 04 ngày 9/7/2004 của Chủ tịch HĐQT Công ty Tài chính C vẫn có hiệu lực áp dụng trong quá trình giải quyết cho vay; đã được phổ biến, quán triệt đến từng phòng, ban, điểm giao dịch nên các nhân viên của công ty, trong đó có Phòng kế toán đều phải biết và thực hiện theo quy định này. Về Thông báo số 259/TB ngày 11/4/2008, có nội dung khi Giám đốc đã ký duyệt, Phòng kế toán chi giải ngân nhưng các cán bộ Phòng kế toán vẫn phải thực hiện đúng Quy trình tín dụng (BL 3194 - 3195); Phù hợp với lời khai của bị cáo Đặng Thị Kim X1 khai là: đã phổ biến, quán triệt trong Phòng kế toán về Quy trình tín dụng ban hành theo Quyết định số 04 ngày 09/7/2004; thừa nhận ký chi giải ngân đối với 21 hồ sơ tín dụng do H11 lập không đủ thủ tục và điều kiện được cấp tín

dụng là sai quy định nhưng do Giám đốc đã ký đồng ý cho cấp tín dụng nên không dám làm trái ý kiến của Giám đốc (BL 3196 - 3197; 3761 - 3763; 3881 - 3882); Phù hợp với chính lời khai của các bị cáo Nguyễn Hồng H4, Lê Anh T, Trần Thị Thu H5 và Nguyễn Thị Lệ H tại Cơ quan điều tra từ khi vụ án được khởi tố cho đến khi xét xử sơ thẩm đều thừa nhận hành vi sai phạm của mình làm sai Quy trình tín dụng số 04 ngày 9/7/2004 của Chủ tịch HĐQT Công ty Tài chính C, 21 hồ sơ tín dụng do H11 lập không đủ thủ tục, không đủ điều kiện cấp tín dụng nhưng vì đã có sự phê duyệt đồng ý cho vay của Tổng giám đốc Phan Minh Anh N4 nên không dám làm trái lệnh của (BL 775 - 800; 840 - 868; 871 - 888; 889 - 902).

Hành vi của các bị cáo đã vi phạm Điều 7 Quy chế cho vay trong hoạt động của các tổ chức tín dụng ban hành theo Quyết định số 1627 ngày 31/12/2001 của Ngân hàng Nhà nước quy định về điều kiện cho vay; vi phạm Quyết định số 04 ngày 09/7/2004 của Chủ tịch HĐQT Công ty Tài chính C; vi phạm khoản 8 Điều 7 Quyết định số 1789 ngày 12/12/2005 của Thống đốc Ngân hàng nhà nước Việt Nam về Ban hành chế độ chứng từ kế toán ngân hàng dẫn đến thiệt hại cho tài sản nhà nước như đã nêu ở trên.

[3] Tòa án cấp phúc thẩm xem xét phần nội dung của Bản án hình sự sơ thẩm số 63/2020/HS-ST ngày 16/3/2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo theo quy định tại Điều 345 Bộ luật tố tụng hình sự 2015.

Xét kháng cáo của bị cáo Lê Anh T, Nguyễn Hồng H4, Trần Thị Thu H5, Nguyễn Thị Lệ H và đề nghị của luật sư bào chữa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

[3.1] Về tội danh: Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử các bị cáo Lê Anh T, Nguyễn Hồng H4, Trần Thị Thu H5, Nguyễn Thị Lệ H về tội “Vi phạm quy định về cho vay trong hoạt động của các tổ chức tín dụng” theo Khoản 3 Điều 179 Bộ luật Hình sự 1999, sửa đổi bổ sung 2009; Khoản 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật Hình sự 2015 là đúng người, đúng tội.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây ảnh hưởng đến hoạt động tài chính và gây thiệt hại cho Công ty Tài chính C số tiền rất lớn: 37.390.000.000 đồng đến nay chưa thu hồi được.

Đối với bị cáo Nguyễn Thị Lệ H: Hội đồng xét xử xét thấy, 21 hợp đồng tín dụng do Trần Quốc H11 lập không đầy đủ thủ tục theo quy định nhưng với vai trò Phó phòng kế toán bị cáo vẫn ký tên trên 34 phiếu chi, tạo điều kiện để Trần Quốc H11 chiếm đoạt tiền của nhà nước.

Đối với các bị cáo Lê Anh T và bị cáo Nguyễn Hồng H4: Trong 21 hợp đồng tín dụng do Trần Quốc H11 lập, các hợp đồng tín dụng thiếu các thủ tục quy định như không có chứng minh nhân dân, hộ khẩu của khách hàng; không có phương án vay vốn hoặc giấy đề nghị vay vốn; phương án vay vốn và giấy đề nghị vay vốn

thiếu nội dung, chữ ký của khách hàng... nhưng các bị cáo không kiểm tra tính đúng đắn, tính hợp lệ của các hồ sơ tín dụng nêu trên vẫn lập phiếu chi, bị cáo H4 một lần giao tiền không đúng người thụ hưởng tạo điều kiện để Trần Quốc H11 chiếm đoạt tiền của đơn vị, gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng.

Đối với bị cáo Trần Thị Thu H5: trong 21 hồ sơ tín dụng do Trần Quốc H11 làm giả có 18 hồ sơ tín dụng không đủ điều kiện quy định: hợp đồng thế chấp tài sản không được công chứng, chứng thực, không đăng ký giao dịch bảo đảm nhưng bị cáo không yêu cầu Hoàng bổ sung mà ký nhận ở mục “Kho quỹ” trên giấy Biên nhận giấy tờ tài sản thế chấp rồi trình lãnh đạo Phòng kế toán ký duyệt tạo điều kiện để Trần Quốc H11 chiếm đoạt tiền của đơn vị, gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng. Ngoài ra khi làm thủ quỹ, bị cáo đã giao tiền không đúng đối tượng thụ hưởng là trái với quy định của pháp luật.

[2.2] Về hình phạt:

Tòa án cấp sơ thẩm cũng cân nhắc các tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo như các bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, quá trình công tác được nhiều bằng khen, giấy khen, từ khi phạm tội đến nay luôn chấp hành tốt chính sách chủ trương pháp luật của Đảng và Nhà nước. Ngoài ra, các bị cáo phạm tội không có mục đích, động cơ vụ lợi, chịu sức ép, áp lực của cấp trên, phần lớn các bị cáo xuất thân từ gia đình có truyền thống cách mạng, hoàn cảnh riêng của từng bị cáo có những khó khăn nhất định, các bị cáo làm nhiệm vụ dẫn đến sai phạm trong môi trường chưa được đào tạo, bồi dưỡng về nghiệp vụ, tại phiên tòa Đại diện Tập đoàn Công nghiệp C cũng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét bối cảnh của vụ án các bị cáo chịu sự chỉ đạo của cấp trên để quyết định hình phạt phù hợp cho các bị cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo đã thành khẩn khai báo, thật sự ăn năn về hành vi phạm tội nên Hội đồng xét xử áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ qui định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự và điểm v khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự cho các bị cáo mà Tòa án cấp sơ thẩm đã nhận định nhưng chưa áp dụng trong phần Quyết định.

Các bị cáo có bổ sung Quyết định 1634/QĐ-TTg ngày 22/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc sáp nhập Công ty Tài chính TNHH MTV Việt Nam vào Công ty Mẹ - Tập Đoàn Công nghiệp C. Quyết định 2613/QĐ-NHNN ngày 23/12/2015 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc thu hồi giấy phép hoạt động của Công ty Tài chính TNHH MTV C nhưng tại Kết luận thanh tra 434/KL-TTGSNH ngày 30/9/2013 thì cũng đã nêu quy trình nội bộ 04 mà Công ty đã ban hành cũng như nêu rõ "Trách nhiệm chính, trách nhiệm trực tiếp trong toàn bộ các hoạt động dẫn đến sai phạm và làm cho Công ty Tài chính TNHH MTV C (viết tắt là RFC) kinh doanh thua lỗ thuộc về nguyên Tổng giám đốc N4 là người quyết định các khoản đầu tư, cho vay không hiệu quả dẫn đến nợ quá hạn, nợ có khả năng mất vốn cũng như trách nhiệm chính trong việc cho vay vi phạm điều kiện vay vốn thuộc về Lãnh đạo phê duyệt cho vay, Trưởng phòng tín dụng, Trưởng phòng giao dịch và các cán bộ tín dụng trực tiếp ký trên hồ sơ vay vốn".

Bị cáo T và bị cáo H4 vẫn được làm tại Tập Đoàn C từ đó đến nay. Bà H mới nghỉ việc năm 2017 theo chế độ hưu trí.

Bà H có nộp bệnh án về bệnh đau đầu và có chồng bị bệnh thiếu năng tuần hoàn não, các giấy khen và bằng khen trong quá trình công tác; gia đình văn hóa, gia đình hiếu học.

Bị cáo H4 nộp giấy tờ gia đình có công với cách mạng như huân chương kháng chiến hạng 3 của ông Nguyễn Hồng V, Huy chương chiến thắng hạng nhất và huân chương kháng chiến hạng nhì cho bà Nguyễn Hồng V, Chính phủ tặng Bằng gia đình vẻ vang cho bà Nguyễn Thị H12, huân chương kháng chiến của bà Khổng Thị T7, huân chương chiến công của Nguyễn Hồng M, bằng khen trong quá trình công tác của bà H4, hồ sơ bệnh án của mẹ và chồng bà H4. Hồ sơ Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh đã bán tài sản để khắc phục hậu quả cho Trần Quốc H11.

Bị cáo T có nộp xác nhận của Công ty vào đơn của ông T ngày 03/6/2015 là chưa được đào tạo nghiệp vụ tín dụng ngân hàng. Giấy xác nhận có thân nhân là liệt sĩ, liệt sĩ Lê Thị L5, bà mẹ Việt Nam anh hùng Ung Thị N5; Kỷ niệm chương chiến sĩ cách mạng bị địch bắt tù đầy Đào C3.

Bị cáo H5 có nộp thêm Giấy công nhận gia đình văn hóa; Giấy xác nhận thân nhân liệt sĩ; truy tặng Bà mẹ Việt nam anh hùng Lê Thị T17; giấy xác nhận người hoạt động cách mạng; huy hiệu 60 năm tuổi Đảng cho ông Trần S1; Liệt sĩ Trần Minh T18; Quyết định tặng giấy khen.

Các bị cáo đều về phòng làm việc vào năm 2005 sau khi Quyết định 04 được ban hành. Các nhân viên phòng kế toán với vai trò hạn chế vì các cán bộ tín dụng, Trưởng phòng tín dụng và Giám đốc đã ký duyệt cho vay và duyệt giải ngân, các nhân viên kế toán chỉ có trách nhiệm chi tiền theo Lệnh giám đốc đã duyệt.

Tuy nhiên, hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng là phù hợp pháp luật, đã xem xét cân nhắc vai trò của các bị cáo nên mới áp dụng mức án trên vì Khoản 3 Điều 179 Bộ luật Hình sự 1999, sửa đổi bổ sung 2009 khung hình phạt từ 10 năm đến 20 năm tù. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận đơn kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên án sơ thẩm, áp dụng thêm các tình tiết giảm nhẹ cho đầy đủ.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát đề nghị giữ nguyên án sơ thẩm phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Ý kiến của người bào chữa cho các bị cáo đề nghị giảm án hoặc miễn trách nhiệm hình sự không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

[3] Các bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các nội dung khác trong quyết định bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã phát sinh hiệu lực pháp luật.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị Lệ H, Lê Anh T, Nguyễn Hồng H4 và Trần Thị Thu H5. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 63/2020/HSST ngày 16/3/2020 Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, cụ thể như sau:

Căn cứ Khoản 3 Điều 179 Bộ luật Hình sự 1999, sửa đổi bổ sung 2009; điểm s, v khoản 1 Điều 51, Khoản 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật Hình sự 2015:

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị Lệ H: 05 năm tù** về tội: “Vi phạm quy định về cho vay trong hoạt động của các tổ chức tín dụng”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

Căn cứ Khoản 3 Điều 179 Bộ luật Hình sự 1999, sửa đổi bổ sung 2009; điểm s, v khoản 1 Điều 51, Khoản 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật Hình sự 2015:

Xử phạt bị cáo **Lê Anh T: 04 (Bốn) năm tù** về tội: “Vi phạm quy định về cho vay trong hoạt động của các tổ chức tín dụng. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

Căn cứ Khoản 3 Điều 179 Bộ luật Hình sự 1999, sửa đổi bổ sung 2009; điểm s, v khoản 1 Điều 51, Khoản 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật Hình sự 2015:

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Hồng H4: 04 (Bốn) năm tù** về tội: “Vi phạm quy định về cho vay trong hoạt động của các tổ chức tín dụng”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

Căn cứ Khoản 3 Điều 179 Bộ luật Hình sự 1999, sửa đổi bổ sung 2009; điểm s, v khoản 1 Điều 51, Khoản 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật Hình sự 2015:

Xử phạt bị cáo **Trần Thị Thu H5: 04 (Bốn) năm tù** về tội: “Vi phạm quy định về cho vay trong hoạt động của các tổ chức tín dụng”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

2. Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Nguyễn Thị Lệ H, Lê Anh T, Nguyễn Hồng H4 và Trần Thị Thu H5 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng.

3. Các nội dung khác trong quyết định Bản án hình sự sơ thẩm số 63/2020/HSST ngày 16/3/2020 của Tòa án nhân dân Thành Phố Hồ Chí Minh có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh;
- TAND TP. Hồ Chí Minh;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký tên và đóng dấu)**

- VKSND TP. Hồ Chí Minh;
- Cục THADS TP. Hồ Chí Minh;
- CA TP. Hồ Chí Minh;
- Sở tư pháp TP. Hồ Chí Minh;
- Trại tạm giam T17;
- Bị cáo;
- Lưu (Ấn - Trú).

Đinh Ngọc Thu Hương

